

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 103 /2019/HNGĐ-ST*

*Ngày: 09/9/2019*

*V/v: “Ly hôn và con chung”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Cẩm Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khóa
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLST-HN&GD ngày 23/7/2019 về việc ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trần Thanh L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đình N**, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện Cư trú tại: Đài Loan.

Tại phiên tòa chị L, anh N vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai chị L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2004 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng vui vẻ được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có sự gắn kết chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc dẫn đến thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Do cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, áp lực nên chị đã đi làm thuê tại Đảo Síp từ năm 2011. Trong thời gian chị không ở Việt Nam, anh N ở nhà chơi bời, chảnh hoa, không tu chí lao động sản xuất, chị đã khuyên bảo nhiều lần, anh em trong gia đình góp ý nhưng anh N không nghe và không thay đổi, không có ý thức xây dựng một gia đình hạnh phúc. Do vậy từ lâu chị và anh N không còn liên lạc với nhau. Khi chị về nước, chị được biết vào khoảng năm 2006 anh N cũng đi lao động tại Đài Loan và đã có cuộc sống mới. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh N đã chấm dứt từ nhiều năm nay không còn quan tâm, liên lạc đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N để cả hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có 1 con chung là Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 18/9/2007. Hiện nay cháu H đã 13 tuổi. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 13129/QLXNC-P5 ngày 09/8/2019 thể hiện: anh Nguyễn Đình N, sinh ngày 24/4/1979 tại Hải Dương, CMND số 142071999, khai địa chỉ thường trú tại: L, H, huyện B, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp lần lượt hai hộ chiếu; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 30/9/2018 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số N1914618 do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Lời khai của con gái anh N, chị L - cháu Nguyễn Quỳnh H thể hiện, khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Lời khai của bà Nguyễn Thị V là mẹ anh N thể hiện anh N và chị L lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống cùng nhau anh chị có đánh cãi nhau, nguyên nhân gì bà không nắm được. Năm 2016 anh N đi lao động ở Đài Loan. Nay chị L xin ly hôn anh N bà không can thiệp. Bà từ chối nhận các văn bản của Tòa để thông báo cho anh N vì bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N, anh N chỉ liên lạc về nhà bằng điện thoại. Tuy nhiên sau lần làm việc với Tòa án lần thứ nhất bà cũng đã thông báo cho anh N biết việc chị L xin ly hôn anh. Quan điểm của anh N là nhất trí ly hôn và đồng ý để chị L nuôi con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà cũng đã hỏi địa chỉ của anh N bên Đài Loan nhưng anh N không nói cho bà biết nên bà không cung cấp cho Tòa án.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 BLTTDS nên KSV đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, VKS không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

- Chị Trần Thanh L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Đình N. Anh N hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Trước khi đi Đài Loan anh sống cùng gia đình ở huyện B, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập theo quy định tại Điều 179 BLTTDS. Tòa án cũng nhờ mẹ đẻ anh là V thông báo cho anh biết các nội dung trên. Anh N đã được tổng đạt QĐXX hợp lệ hai lần song đều không có mặt. Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình anh N cung cấp địa chỉ của anh N bên Đài Loan song đều không cung cấp được. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Vì vậy Tòa án không chấp nhận đề nghị của VKS về việc tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX xét xử vắng mặt chị L, anh N theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thanh L và anh Nguyễn Đình N được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2004 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa chị L và anh N không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho chị L được ly hôn anh N theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Chị L và anh N có một con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 18/9/2007. Chị L có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn được ở cùng mẹ. Hơn nữa, anh N không ở Việt Nam nên không thể chăm sóc con. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị L không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thanh L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 18/9/2007 cho chị Trần Thanh L nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thanh L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0008268 ngày 23/7/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương để ghi vào sổ hộ tịch;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

**Trịnh Cẩm Vân**